

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH BẢO
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 61/2021/HNGĐ-ST

Ngày 16-8-2021

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH BẢO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Đức Vịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Tâm

Ông Nguyễn Văn Quyết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Ng Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông **Phạm M Hoàng** – Kiểm sát viên.

Ngày 16-8-2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 143/2021/TLST-HNGĐ ngày 01-6-2021 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 27-7-2021, **giữa các đương sự:**

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị M; đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn TL, xã Đ M, huyện VB, thành phố Hải Phòng; nơi sinh sống: Thôn Ngũ Đoài, xã Điệp Nông, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình, vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

- *Bị đơn:* Anh Lương Văn Đ; nơi cư trú: Thôn Từ Lâm, xã Đ M, huyện VB, thành phố Hải Phòng, vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26-4-2021, bản tự khai và tại phiên hòa giải, nguyên đơn là chị Phạm Thị M trình bày:

Chị và anh Lương Văn Đ kết hôn với nhau tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ M, huyện VB, thành phố Hải Phòng vào ngày 26-8-

2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã, không tin tưởng nhau trong quan hệ hôn nhân, anh Đ không quan tâm đến gia đình nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã, không tôn trọng nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình khuyên giải nhưng không đạt kết quả, vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi, không quan tâm đến nhau, cắt đứt mọi quan hệ nghĩa vụ vợ chồng. Nay, xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lương Văn Đ.

Về con chung: Chị và anh Đ có 02 con chung là Lương M Tr, sinh ngày 08-02-2012 và Lương Bảo Ng, sinh ngày 02-12-2014. Khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao cháu Lương Bảo Ng cho chị trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Lương M Tr cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chị tự thỏa thuận với anh Đ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị và anh Đ tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn là anh Lương Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại bản tự khai và tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, trình bày:

Anh xác nhận về thời gian, Đ kiện kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như nội dung chị M trình bày là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, lối sống, không có tiếng nói chung trong quan hệ tình cảm tâm sinh lý, chị M có biểu hiện quan hệ ngoài hôn nhân với người khác nên xảy ra mâu thuẫn với nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình khuyên giải nhưng không có kết quả, chị M đã bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng đã sống ly thân. Tuy nhiên, anh không đồng ý ly hôn vì anh vẫn còn tình cảm với chị M, hơn nữa con còn nhỏ cần có sự chăm sóc của cả bố và mẹ.

Về con chung: Anh và chị M có 02 con chung là Lương M Tr, sinh ngày 08-02-2012 và Lương Bảo Ng, sinh ngày 02-12-2014. Trường hợp vợ chồng ly hôn, anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung. Việc cấp dưỡng nuôi con anh và chị M tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh và chị M tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân huyện VB xác định quan hệ tranh chấp về Ly hôn và nuôi con là đúng quy định tại khoản 1 Đ 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, về thẩm quyền đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Đ 35 và điểm a khoản 1 Đ 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội

đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn và bị đơn đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Đ 56, Đ 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử, xử cho chị Phạm Thị M được ly hôn với anh Lương Văn Đ; giao con chung là Lương M Tr, sinh ngày 08-02-2012 cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung là Lương Bảo Ng, sinh ngày 02-12-2014 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con do không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết; về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết. Về án phí: Chị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Nguyên đơn là chị Phạm Thị M có đơn xin ly hôn với anh Lương Văn Đ có nơi cư trú tại xã Đ M, huyện VB, thành phố Hải Phòng. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Đ 28, điểm a khoản 1 Đ 35 và điểm a khoản 1 Đ 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện VB; Tòa án nhân dân huyện VB giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Phạm Thị M và bị đơn anh Lương Văn Đ đều chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa chị M và anh Đ đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Đ 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt chị M và anh Đ.

- Về nội dung vụ án:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị M và anh Lương Văn Đ kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ M, huyện VB, thành phố Hải Phòng vào ngày 26-8-2011. Như vậy, hôn nhân này là hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị M và anh Đ đều xác nhận vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, lối sống, không hợp nhau về tính cách, tâm sinh lý, không tin tưởng nhau trong quan hệ hôn nhân nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, không tôn trọng nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình khuyên giải nhưng không có kết quả, vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi, không quan tâm đến nhau. Nay, xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị M xin ly hôn nhưng anh Đ không đồng ý; anh Đ cho rằng vẫn còn tình cảm với chị M và con còn nhỏ cần có sự chăm sóc của cả bố và mẹ. Tuy nhiên, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng anh Đ không đến Tòa án để

hòa giải và đều xin vắng mặt, từ đó xác định được mâu thuẫn vợ chồng giữa chị M và anh Đ đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử, căn cứ vào khoản 1 Đ 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị M xin ly hôn với anh Lương Văn Đ.

[4] Về con chung: Chị M và anh Đ có 02 con chung là Lương M Tr, sinh ngày 08-02-2012 và Lương Bảo Ng, sinh ngày 02-12-2014. Khi ly hôn, chị M đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lương Bảo Ng và giao cháu Lương M Tr cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng còn anh Đ đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung. Xét thấy, hiện cháu Ng còn nhỏ chưa đủ 7 tuổi, hiện đang sinh sống cùng với chị M còn cháu Tr đã trên 07 tuổi hiện đang sinh sống và có nguyện vọng được ở với anh Đ; chị M và anh Đ đều có Đ kiện đảm bảo được việc nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục con chung tốt. Do đó, xuất phát từ lợi ích mọi mặt của con chung Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các Đ 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu Lương M Tr cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Lương Bảo Ng cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con, do chị M và anh Đ không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị M và anh Đ không yêu cầu nên không xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị M phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Đ 147; khoản 1 Đ 228; Đ 266 và khoản 1 Đ 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Đ 56; Đ 81; 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Đ 6, điểm a khoản 5 Đ 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị M được ly hôn với anh Lương Văn Đ.

2. Về con chung: Giao con chung là Lương M Tr, sinh ngày 08-02-2012 cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; giao con chung là Lương Bảo Ng, sinh ngày 02-12-2014 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo

quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị M phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chị M đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí lệ phí Tòa án theo biên lai thu số **0017628 ngày 01-6-2021** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện VB, thành phố Hải Phòng. Chị M đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị M và anh Đ vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện VB;
- Chi cục THADS huyện VB;
- UBND xã Đ M, huyện VB;
- Đương sự;
- Lưu: Hành chính tư pháp, hồ sơ việc dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Đức Vịnh